

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2018

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc

2. Ông Cao Đình Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 5 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm
Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia
đình thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc
“*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Chu Anh T, sinh năm 1986

Trú tại: Số 220, thôn R'Chai II, Xã P H, huyện Đ, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1984

Trú tại: Số 05, tổ 26, thôn P N, xã H T, huyện Đ, Lâm Đồng

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chu Anh T trình bày: bà và ông Nguyễn Tiến B cùng
chung sống từ năm 2015 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung
không có sự hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết

được. Nay bà xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Tiến B.

Về con chung: ông, bà có 01 con chung tên Chu B G B, sinh ngày 17/01/2016. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Nguyễn Tiến B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến B trình bày: ông thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà Chu Anh T không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay ông xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung nên theo yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Chu Anh T ông đồng ý và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Về con chung: ông thừa nhận có 01 con chung đúng như bà T trình bày. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng ông đồng ý giao con chung tên Chu B G B, sinh ngày 17/01/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đây là vụ án “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” giữa nguyên đơn bà Chu Anh T và bị đơn ông Nguyễn Tiến B theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tiến B đến Tòa án làm việc và đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Tiến B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Chu Anh T và ông Nguyễn Tiến B chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp

luật. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nguyên nhân do các bên không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện nay ông bà tự chấm dứt cuộc sống chung và có yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Xét thấy theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa ông, bà không được pháp luật công nhận cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chu Anh T và ông Nguyễn Tiến B.

[4] Về con chung: ông bà có 01 con chung tên Chu B G B, sinh ngày 17/01/2016 hai bên thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2018 bà Chu Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu B G B cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Xét việc tự thỏa thuận này là tự nguyện và các bên không có ý kiến nào khác nên cần giao con chung tên Chu B G B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đến tuổi thành niên. Bà Chu Anh T không yêu cầu ông Nguyễn Tiến B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: bà Chu Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, 14, 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 200, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chu Anh T và ông Nguyễn Tiến B.

2. Về con chung: giao con chung tên Chu B G B, sinh ngày 17/01/2016 cho bà Chu Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đến tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Chu Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007213 ngày 10/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Chu Anh T nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

